

Số: 973/QĐ-BVUBĐN

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 8: Mua sắm Hóa chất, vật tư y tế đặc thù các loại thuộc Dự toán: Mua sắm hóa chất, vật tư y tế đặc thù các loại cho Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng năm 2023

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN UNG BƯỚU ĐÀ NẴNG

Căn cứ Quyết định số 5898/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2015 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc thành lập Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng;

Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 08/2023/TT-BYT ngày 14 tháng 04 năm 2023 của Bộ Y tế bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BYT ngày 11 tháng 04 năm 2023 của Bộ Y tế hợp nhất Nghị định về quản lý trang thiết bị y tế;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 05 năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết về việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 68/2022/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 03 năm 2016 quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 78/QĐ-BVUBĐN ngày 24 tháng 02 năm 2023 của

Giám đốc Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng về việc thành lập Bên mời thầu dự toán mua sắm hoá chất, vật tư y tế đặc thù các loại cho Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 888/QĐ-BVUBĐN ngày 02 tháng 10 năm 2023 của Giám đốc Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng về việc điều chỉnh thành viên Bên mời thầu dự toán mua sắm hoá chất, vật tư y tế đặc thù các loại cho Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 257/QĐ-BVUBĐN ngày 28 tháng 03 năm 2023 của Giám đốc Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng về việc phê duyệt dự toán mua sắm hoá chất, vật tư y tế đặc thù các loại cho Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 520/QĐ-BVUBĐN ngày 13 tháng 6 năm 2023 của Giám đốc Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu mua sắm hoá chất, vật tư y tế đặc thù các loại cho Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 658/QĐ-BVUBĐN ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Giám đốc bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng về việc phê duyệt E-Hồ sơ mời thầu các gói thầu mua sắm hóa chất, vật tư y tế đặc thu các loại cho Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng năm 2023;

Căn cứ Báo cáo đánh giá E-Hồ sơ dự thầu điều chỉnh số 02-171/BCĐG/ĐT.2023 ngày 03/10/2023 của Công ty TNHH Tư vấn và Chuyển giao công nghệ Đại Tín cho Gói thầu số 8: Mua sắm Hóa chất, vật tư y tế đặc thù các loại;

Căn cứ Tờ trình điều chỉnh số 02-171/TTr-XH/ĐT.2023 ngày 03/10/2023 của Công ty TNHH Tư vấn và Chuyển giao công nghệ Đại Tín về việc đề nghị phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu Gói thầu số 8;

Căn cứ Quyết định số 815/QĐ-BVUBĐN ngày 12/9/2023 của Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng về việc phê duyệt Danh sách xếp hạng nhà thầu Gói thầu số 8: Mua sắm Hóa chất, vật tư y tế đặc thù các loại thuộc dự toán Mua sắm hóa chất, vật tư y tế đặc thù các loại cho Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 906/QĐ-BVUBĐN ngày 05/10/2023 của Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng về việc phê duyệt điều chỉnh Danh sách xếp hạng nhà thầu Gói thầu số 8: Mua sắm Hóa chất, vật tư y tế đặc thù các loại thuộc dự toán Mua sắm hóa chất, vật tư y tế đặc thù các loại cho Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng năm 2023;

Căn cứ Biên bản mở hồ sơ chào lại giá ngày 18/9/2023 Gói thầu số 8: Mua sắm Hóa chất, vật tư y tế đặc thù các loại;

Căn cứ Biên bản thương thảo hợp đồng giữa Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng và nhà thầu được đề nghị trúng thầu từ ngày 19/9/2023 đến ngày 13/10/2023;

Căn cứ Báo cáo thẩm định số GN370.8-2/BCTĐ ngày 24/10/2023 của Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư và thương mại Gia Nguyễn về việc báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu;

Theo đề nghị tại Tờ trình số 125/TTr-BMT ngày 13 tháng 10 năm 2023 của Bên mời thầu về việc đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 8: Mua sắm Hóa chất, vật tư y tế đặc thù các loại và Tờ trình số GN370.8-2/TTr ngày 24/10/2023 của Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư và thương mại Gia Nguyễn về việc đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 8: Mua sắm Hóa chất, vật tư y tế đặc thù các loại như sau:

1. Tên dự toán: Mua sắm hóa chất, vật tư y tế đặc thù các loại cho Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng năm 2023.

2. Tên gói thầu: Gói thầu số 8: Mua sắm Hóa chất, vật tư y tế đặc thù các loại.

3. Chủ đầu tư: Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng.

4. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi qua mạng, xét theo từng phần

5. Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn một túi hồ sơ.

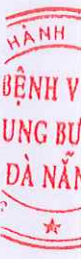
6. Nguồn vốn: Từ nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, nguồn thu do cơ quan Bảo hiểm xã hội thanh toán và nguồn thu hợp pháp khác theo quy định.

7. Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

8. Thời gian thực hiện hợp đồng: 365 ngày.

9. Danh sách nhà thầu trúng thầu:

STT	Tên nhà thầu	STT theo E-HSMT	Tổng số mặt hàng trúng thầu	Thành tiền trúng thầu (VNĐ)
1.	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	65; 67; 69; 73; 80; 97; 98; 103	08	188.386.400
2.	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2	81	01	706.932.000
3.	CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT THÁI DƯƠNG	106	01	12.000.000



STT	Tên nhà thầu	STT theo E-HSMT	Tổng số mặt hàng trúng thầu	Thành tiền trúng thầu (VNĐ)
4.	CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ MÁY TRANG THIẾT BỊ Y TẾ USM HEALTHCARE	79; 104; 114	03	105.544.000
5.	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ NAM TRUNG	66; 105	02	502.512.000
6.	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI CỎNG VÀNG	62	01	228.000.000
7.	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TRỌNG TÍN	88; 96	02	13.482.000
8.	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KỸ THUẬT - TECHNIMEX	33	01	10.725.000
9.	CÔNG TY TNHH KỸ THƯƠNG MINH LONG	13; 15; 20; 46; 49; 52	06	309.585.300
10.	CÔNG TY TNHH LAVICOM	23; 24; 27; 28; 29; 58	06	94.748.475
11.	CÔNG TY TNHH QUỲNH NGHI	71	01	424.000.000
12.	CÔNG TY TNHH LY BI	72	01	57.950.000
13.	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ KHOA HỌC KỸ THUẬT VIỆT HUY	6; 7; 8; 9	04	470.786.856
14.	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VÀ DỤNG CỤ Y KHOA	77; 92	02	68.580.000
15.	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH MINH	63; 64	02	115.837.020
16.	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ GREEN MEDICAL	31; 32; 51; 56; 75; 85; 93	07	163.938.452
17.	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG GIA HUY	74; 76; 82; 99; 101; 102	06	198.856.400
18.	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ PHƯƠNG ĐÔNG	2; 3; 11	03	194.740.000

STT	Tên nhà thầu	STT theo E-HSMT	Tổng số mặt hàng trúng thầu	Thành tiền trúng thầu (VNĐ)
19.	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ QUANG TRUNG	16; 25; 26; 30; 61; 87	06	63.521.940
20.	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ THÁI SƠN	41; 44	02	39.960.000
21.	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ THIẾT BỊ Y TẾ - KHOA HỌC KỸ THUẬT M.E.D.I.C	14; 60; 68	03	215.675.000
22.	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VIỆT HỒNG	18; 47	02	21.032.000
23.	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ VINH KHANG	95	01	26.500.000
24.	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐOÀN GIA SÀI GÒN	55; 59	02	19.818.000
25.	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XUẤT NHẬP KHẨU BNC	94	01	6.300.000
26.	CÔNG TY TNHH VẬT TƯ Y TẾ & THƯƠNG MẠI PHƯƠNG NGUYỄN	1	01	123.480.000
27.	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM LAN TIẾN	84	01	200.928.000
	Tổng cộng: 27 nhà thầu	76 phần	76 mặt hàng	4.583.818.843

(Chi tiết các mặt hàng trúng thầu tại Phụ lục đính kèm).

Điều 2: Công ty TNHH Tư vấn và Chuyên giao công nghệ Đại Tín và Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư và thương mại Gia Nguyễn chịu trách nhiệm về tính pháp lý, tính chính xác của quá trình tổ chức đánh giá và thẩm định E-hồ sơ dự thầu của nhà thầu đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật về đấu thầu.

Căn cứ kết quả lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt, khoa Dược phối hợp với Phòng Tài chính kế toán thông báo kết quả này đến tất cả các nhà thầu tham dự và chuẩn bị các bước tiếp theo của quy trình đấu thầu theo đúng quy định hiện hành. Khoa Dược và phòng Tài chính kế toán có trách nhiệm hoàn thiện, trình chủ đầu tư ký kết hợp đồng.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Khoa Dược, phòng Tài chính - kế toán, Bên mời thầu bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, KD, TCKT.



Nguyễn Thanh Hùng

Phụ lục

CHI TIẾT CÁC MẶT HÀNG TRÚNG THẦU GÓI THẦU SỐ 8: MUA SẴM HÓA CHẤT, VẬT TƯ Y TẾ ĐẶC THÙ CÁC LOẠI

(Kèm theo Quyết định số 973/QĐ-BVUBĐN ngày 26/10/2023 của Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng)

STT	STT theo HSMT	Mã phần/lô	Danh mục hàng hóa theo HSMT	Tên thương mại/nhãn hiệu	Số lượng	DVT	Quy cách đóng gói	Ký mã hiệu	HSX	NSX	Mã 5086	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1. CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG													188.386.400	
1	65	PP2300217623	Ống ly tâm 5ml (12x75mm) bằng nhựa	Ống nghiệm nhựa 5ml PS 12*75mm	3.000	Cái	500 chiếc/túi, 5000c/thùng	HSTT12	Henso Medical	Trung Quốc	Không	243	729.000	
2	67	PP2300217625	Ống ly tâm 1.5ml	Ống ly tâm Eppendorf 1.5ml	13.000	Cái	500 chiếc/túi, 12000c/thùng	HDCT02	Jiangsu Huida	Trung Quốc	Không	170	2.210.000	
3	69	PP2300217627	Ống lưu mẫu 2ml nắp vận	Ống nghiệm Plain MPV	500	Cái	Khay 100 ống x 24 Khay/Kiện	ON-01:MPV	MPV	Việt Nam	N03.07.070.097 6.000.0001	400	200.000	
4	73	PP2300217631	Cassette nhựa có nắp	Khuôn đúc bệnh phẩm có nắp	49.000	Cái	500chiếc/túi, 5000c/thùng	HDEC01; HDEC02	Jiangsu Huida	Trung Quốc	Không	1.125	55.125.000	
5	80	PP2300217638	Gạc Meche (3,5*75)cm * 8 lớp, vô trùng, có cân quang	Gạc meche phẫu thuật 3,5cm x 75cm x 8 lớp vô trùng cân quang	7.000	Cái	3 cái/ gói	MECHEVT8	An Lành	Việt Nam	N02.03.020.116 3.000.0101	1.932	13.524.000	
6	97	PP2300217655	Dây Garo	Dây garo	300	Cái	10 cái/ túi	DGR	An Lành	Việt Nam	N00.00.000.116 3.000.0013	1.811	543.300	
7	98	PP2300217656	Gạc phẫu thuật ổ bụng 30cm x 40cm x 6 lớp, vô trùng, có cân quang	Gạc phẫu thuật ổ bụng 30cm x 40cm x 6 lớp, cân quang tiệt trùng (5 cái/gói)	13.300	Cái	5 cái/gói	GOB	Damedco	Việt Nam	N02.03.020.152 5.000.0134	3.847	51.165.100	
8	103	PP2300217661	Băng dính vải không dệt 2,5cm x 6m	Nichipore 25mm x 6m	4.200	Cuộn	Hộp/12 cuộn	ST21EX-25X6	NICHIBAN CO., LTD/	Nhật Bản	N02.01.050.504 3.232.0001	15.450	64.890.000	
2. CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2													706.932.000	
1	81	PP2300217639	Găng tay cao su khám bệnh có bột các số	Găng tay cao su y tế có bột Sri Trang	968.400	Đôi	50 đôi/ hộp	DLXFB0G	Sri Trang Gloves (Thailand) Public Co., Ltd	Thái Lan	N03.06.010.522 8.271.0002	730	706.932.000	
3. CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT THÁI DƯƠNG													12.000.000	
1	106	PP2300217664	Thùng lọng cắt polype (25mm)	Thùng lọng cắt polype (25mm)	20	Cái	Túi/1 cái	EMPS-20-04-25	Endovision Co., Ltd	Hàn Quốc	N07.04.060.199 3.174.0001	600.000	12.000.000	
4. CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ MÁY TRANG THIẾT BỊ Y TẾ USM HEALTHCARE													105.544.000	

STT	STT theo HSMT	Mã phần/lô	Danh mục hàng hóa theo HSMT	Tên thương mại/nhãn hiệu	Số lượng	ĐVT	Quy cách đóng gói	Ký mã hiệu	HSX	NSX	Mã 5086	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	79	PP23002 17637	Filter lọc khuẩn	Phin lọc vi khuẩn - virus SAMBRUS-V (có tiết trùng)	5.700	Cái	1 cái/ túi	AMB-11201100	Công ty CP Nhà máy Trang thiết bị Y tế USM Healthcare	Việt Nam	N08.00.350.097 2.000.0008	10.800	61.560.000	
2	104	PP23002 17662	Dây thở oxy 2 nhánh (người lớn + trẻ em)	Dây thở oxy hai nhánh AMBRUS, ABS-112 (Màu trong suốt, Người lớn, Ngành cong, 2m)/ Dây thở oxy hai nhánh AMBRUS, ABS-121 (Màu trong suốt, Trẻ em, Ngành thẳng, 2m)	8.000	Cái	1 cái/ túi	ABS-112 (ABS-11220100)/ ABS-121 (ABS-12120100)	Công ty CP Nhà máy Trang thiết bị Y tế USM Healthcare	Việt Nam	N04.03.030.097 2.000.0110/ N04.03.030.097 2.000.0112	3.950	31.600.000	
3	114	PP23002 17672	Chi không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 4/0	Chi phẫu thuật không tiêu ARES/ PAB-Chi Polypropylene 4/0-90cm; 1/2C-22mm	288	Tép	24 tép/ hộp	PAB-PAK1A92ABBS 1	Công ty CP Nhà máy Trang thiết bị Y tế USM Healthcare	Việt Nam	N05.02.030.097 2.000.0011	43.000	12.384.000	
5. CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ NAM TRUNG													502.512.000	
1	66	PP23002 17624	Công đo	Architect Reaction Vessels	240.000	Cái	Hộp/8x500 cái	7C15-03	Abbott Laboratories Diagnostics Division	Mỹ	Không	1.326	318.240.000	
2	105	PP23002 17663	ICT Module hoặc tương đương	ICT Module	4	Hộp	Hộp/1 cái	9D28-04	Canon Medical Systems Corporation	Nhật Bản	Không	46.068.000	184.272.000	
6. CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI CÔNG VÀNG													228.000.000	
1	62	PP23002 17620	Kít xét nghiệm sàng lọc ung thư cổ tử cung	Bộ kít xét nghiệm ung thư cổ tử cung ThinPrep Pap Test	600	Kít	100 kít/ thùng	ThinPrep Test Package includes: ThinPrep PreservCyt Solution; ThinPrep Filters; ThinPrep Microscopes Slides; Rovers Cervex-Brush	Hologic Inc./ Rovers Medical Devices B.V	Mỹ	N00.00.000.242 1.175.0001	380.000	228.000.000	
7. CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ TRỌNG TÍN													13.482.000	

STT	STT theo HSMT	Mã phần/lô	Danh mục hàng hóa theo HSMT	Tên thương mại/nhãn hiệu	Số lượng	ĐVT	Quy cách đóng gói	Ký mã hiệu	HSX	NSX	Mã 5086	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	88	PP23002 17646	Sonde phổi số 28	Ống dẫn lưu màng phổi Thoracic catheter, có co nối đi kèm các số	300	Cái	Cái/ Gói	625xxA	Global Medikit Limited	Án Độ	N04.02.030.226 0.115.0001	34.440	10.332.000	
2	96	PP23002 17654	Bộ mở khí quản cấp cứu	Bộ mở khí quản cấp cứu PCK	1	Cái	Cái/ Gói	100/465/060	Smiths Medical Czech Republic A.S	C.H.Séc	N08.00.140.388 7.252.0004	3.150.000	3.150.000	
8. CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KỸ THUẬT - TECHNIMEX													10.725.000	
1	33	PP23002 17591	Chai nuôi cấy 25cm², hiệu khí	Cell Culture Flask with Filter Cap, PS, 25cm², TC treated, Sterile to SAL10-6	780	Chai	200 cái/ thùng	70025	SPL	Hàn Quốc	Không	13.750	10.725.000	
9. CÔNG TY TNHH KỸ THƯƠNG MINH LONG													309.585.300	
1	13	PP23002 17571	Ethanol (99,8%)	Ethanol (99,8%)	900	Lit	Chai 2.5 lít	1009832511	Merck	Đức	Không	205.000	184.500.000	
2	15	PP23002 17573	Môi trường thạch máu BA 90	TraceMedia™ Thạch máu	3.700	Đĩa	10 đĩa/hộp	TM0722.010	Labone	Việt Nam	Không	17.999	66.596.300	
3	20	PP23002 17578	Na2HPO4	Na2HPO4	79	Chai	Chai 500g	Na2HPO4.12H2 O	Xilong	Trung Quốc	Không	110.000	8.690.000	
4	46	PP23002 17604	Acetic acid (glacial) 100%	Acetic acid (glacial) 100%	4	Chai	Chai 1 lít	1000631000	Merck	Đức	Không	720.000	2.880.000	
5	49	PP23002 17607	Acid Nitric (Dung dịch acid nitric 65%)	Acid Nitric (Dung dịch acid nitric 65%)	1	Chai	Chai 500ml	Acid Nitric	Xilong	Trung Quốc	Không	119.000	119.000	
6	52	PP23002 17610	Cồn tuyệt đối	Cồn tuyệt đối	1.200	Lít	Chai 1 lít	LGTD99,5	Lê Gia	Việt Nam	N01.02.030.604 6.000.0005	39.000	46.800.000	
10. CÔNG TY TNHH LAVICOM													94.748.475	
1	23	PP23002 17581	Bộ thuốc nhuộm Gram	MELAB- Color Gram Set (Bộ nhuộm Gram)	12	Bộ	Bộ 4 chai 100ml	B100900	Công ty Cổ phần Công nghệ Lavitec	Việt Nam	Không	200.000	2.400.000	
2	24	PP23002 17582	Bộ thuốc nhuộm Ziehl- Neelsen	MELAB - Ziehl Neelsen Set (Bộ nhuộm Ziehl Neelsen)	80	Bộ	Bộ 3 chai 100ml	B100902	Công ty Cổ phần Công nghệ Lavitec	Việt Nam	Không	200.000	16.000.000	
3	27	PP23002 17585	Đĩa thạch chứa môi trường nuôi cấy vi khuẩn (MC 90)	MELAB MacConkey Agar	3.100	Đĩa	Hộp 10 đĩa	P901402	Công ty Cổ phần Công nghệ Lavitec	Việt Nam	Không	11.300	35.030.000	



STT	STT theo HSMT	Mã phần/lô	Danh mục hàng hóa theo HSMT	Tên thương mại/nhãn hiệu	Số lượng	ĐVT	Quy cách đóng gói	Ký mã hiệu	HSX	NSX	Mã 5086	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
4	28	PP23002 17586	Đĩa thạch chứa môi trường nuôi cấy vi khuẩn (MHA 90)	MELAB Mueller Hinton Agar	1.440	Đĩa	Hộp 10 đĩa	P901490	Công ty Cổ phần Công nghệ Lavitec	Việt Nam	Không	15.375	22.140.000	
5	29	PP23002 17587	Đĩa thạch chứa môi trường nuôi cấy vi khuẩn (SAB 90)	MELAB Sabouraud Dextrose Agar	165	Đĩa	Hộp 10 đĩa	P901404	Công ty Cổ phần Công nghệ Lavitec	Việt Nam	Không	12.375	2.041.875	
6	58	PP23002 17616	Test nhanh phát hiện virút H. Pylori trong dạ dày	MELAB Urea Agar Base	2.197	Test	Hộp 50 ống	T210745	Công ty Cổ phần Công nghệ Lavitec	Việt Nam	Không	7.800	17.136.600	
11. CÔNG TY TNHH QUỲNH NGHI													424.000.000	
1	71	PP23002 17629	Buồng tiêm dưới da siêu nhẹ và bền dùng cho người lớn	Buồng tiêm đặt (cấy) dưới da HealthPort POWER PLP All-In-One Venous Cat S hoặc P	80	bộ	Mỗi bộ/ 1 hộp	201.24.12.20 201.24.12.30 201.24.12.33	Plan 1 Health	Ý	N08.00.150.349 7.292.0027 N08.00.150.349 7.292.0028	5.300.000	424.000.000	
12. CÔNG TY TNHH LY BI													57.950.000	
1	72	PP23002 17630	Buồng tiêm dưới da siêu nhẹ và bền dùng cho trẻ em	Buồng tiêm cấy dưới da Polysite	10	bộ	Hộp/ 1 bộ	2005, 2105, 2015, 2115, 2016, 2116, 2005 ISP, 2105 ISP, 2015 ISP, 2115 ISP, 2016 ISP, 2116 ISP, 2007, 2107	Perouse Medical	Pháp	N08.00.150.345 8.240.0002	5.795.000	57.950.000	
13. CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ KHOA HỌC KỸ THUẬT VIỆT HUY													470.786.856	
1	6	PP23002 17564	Bộ xét nghiệm IVD định lượng Hepatitis B virus	HBV Real-TM Quant Dx	768	Test	96 test/ bộ	V5-96/3FRT	Sacace Biotechnologies S.r.l	Ý	N00.00.000.368 9.292.0031	330.078	253.499.904	
2	7	PP23002 17565	Bộ xét nghiệm IVD định lượng Hepatitis C virus	HCV Real-TM Quant Dx	192	Test	96 test/ bộ	V1-96/3FRT	Sacace Biotechnologies S.r.l	Ý	N00.00.000.368 9.292.0032	397.031	76.229.952	
3	8	PP23002 17566	Bộ xét nghiệm IVD định tính phức hợp vi khuẩn lao (MTBC) kèm tách chiết thủ công	MTB Real-TM (Cung cấp kèm hóa chất tách chiết)	300	Test	50 test/ bộ	B15-50FRT	Sacace Biotechnologies S.r.l	Ý	N00.00.000.368 9.292.0076	210.000	63.000.000	
4	9	PP23002 17567	Bộ xét nghiệm IVD định lượng Epstein Barr Virus	EBV Real-TM Quant	300	Test	100 test/ bộ	V9-100FRT	Sacace Biotechnologies S.r.l	Ý	N00.00.000.368 9.292.0003	260.190	78.057.000	
14. CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VÀ DỤNG CỤ Y KHOA													68.580.000	

STT	STT theo HSMT	Mã phần/lô	Danh mục hàng hóa theo HSMT	Tên thương mại/nhãn hiệu	Số lượng	ĐVT	Quy cách đóng gói	Ký mã hiệu	HSX	NSX	Mã 5086	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	77	PP23002 17635	Catheter tĩnh mạch trung tâm 1 nòng	Catheter tĩnh mạch trung tâm 1 nòng	60	Cái	Hộp 1 cái	FV-1526; FV-1626	Guangdong Baihe	Trung Quốc	N04.04.010.230 1.279.0002	193.000	11.580.000	
2	92	PP23002 17650	Bơm tiêm nhựa 1ml có kim, sử dụng 1 lần	Bơm tiêm sử dụng một lần Vihankok (1ml)	95.000	Cái	Túi 1 cái; Hộp 100 cái	BT1.VHK	Công ty Cổ phần Tanaphar	Việt Nam	N03.01.070.102 4.000.0011	600	57.000.000	
15. CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH MINH													115.837.020	
1	63	PP23002 17621	Sticker dán lam	KIT PACK, EBAR (US/EUROPE)	6	Hộp	2500 pcs	05248850001	Ventana, Mỹ	Mỹ	Không	18.668.540	112.011.240	
2	64	PP23002 17622	Mực in mã vạch	Ribbon, Ebar Printer	2	Hộp	8100 pcs	05250889001	Ventana, Mỹ	Mỹ	Không	1.912.890	3.825.780	
16. CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ GREEN MEDICAL													163.938.452	
1	31	PP23002 17589	Parafin dược dụng	Sáp (Paraffin) hạt tinh khiết	200	kg	2kg/ túi	BWPLUS-2	BioGnost Ltd	Croatia (EU)	Không	265.000	53.000.000	
2	32	PP23002 17590	Keo dán lam	Keo gắn lamén	9.086	ml	100 ml/ lọ	BMN-100	BioGnost Ltd	Croatia (EU)	Không	5.982	54.352.452	
3	51	PP23002 17609	Anti B	Anti B	200	Lọ	10 ml/ lọ	814001	Spectrum	Ái Cập	Không	77.200	15.440.000	
4	56	PP23002 17614	Anti AB	Anti AB	50	Lọ	10 ml/ lọ	816001	Spectrum Diagnostic	Ái Cập	Không	79.000	3.950.000	
5	75	PP23002 17633	Bao cao su	BAO CAO SU TRÁNH THAI BEAUTIFUL DREAM	8.400	Cái	10 cái/ hộp	BEAUTIFUL DREAM	An Phú	Việt Nam	Không	670	5.628.000	
6	85	PP23002 17643	Ống nghiệm máu Citrate 3.8% 2ml	Ống nghiệm Citrate nắp su	21.600	Ống	100 ống/ khay	C8-022	An Phú	Việt Nam	N03.07.070.084 6.000.0025	1.080	23.328.000	
7	93	PP23002 17651	Tube đựng nước tiểu	Lọ đựng bệnh phẩm nắp đỏ	8.000	Cái	100 cái/ túi	264266	Bona	Việt Nam	N03.07.070.166 0.000.0063	1.030	8.240.000	
17. CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG GIA HUY													198.856.400	
1	74	PP23002 17632	Airway các cỡ	Dụng cụ chấn lưỡi, tạo đường thở số 0# (Airway), 1# (Airway), 2# (Airway), 3# (Airway), 4# (Airway)	2.330	Cái	50 cái/ hộp		Suzhou Yudu	Trung Quốc	N04.01.010.404 3.279.0003	4.080	9.506.400	
2	76	PP23002 17634	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nòng	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nòng	140	Cái	1 cái/ hộp	FV-3xxx	Guangdong Baihe	Trung Quốc	N04.04.010.230 1.279.0008	265.000	37.100.000	

STT	STT theo HSMT	Mã phần/lô	Danh mục hàng hóa theo HSMT	Tên thương mại/nhãn hiệu	Số lượng	ĐVT	Quy cách đóng gói	Ký mã hiệu	HSX	NSX	Mã 5086	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
3	82	PP23002 17640	Găng tay phẫu thuật không tiết trùng các số 6,5/7/7,5	Găng tay y tế chưa tiết trùng 280mm	80.800	Đôi	600 đôi/ thùng	GYT	Nam Tin	Việt Nam	N03.06.030.146 6.000.0003	1.700	137.360.000	
4	99	PP23002 17657	Sonde cho ăn trẻ em các số	Dây cho ăn số 6, 8	400	Cái	200 cái/ hộp	P4003000	Suzhou Yudu	Trung Quốc	N03.07.010.404 3.279.0001	2.500	1.000.000	
5	101	PP23002 17659	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng các số	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng	30	Hộp	1 cái/ hộp	FV-2xxx	Guangdong Baihe	Trung Quốc	N04.04.010.230 1.279.0001	235.000	7.050.000	
6	102	PP23002 17660	Sonde Foley 3 nhánh các số	Ống thông tiểu 3 nhánh 16Fr (30ml); 18Fr (30ml); 20Fr (30ml); 22Fr (30ml); 24Fr (30ml); 26Fr (30ml)	400	Cái	10 cái/ hộp		Zhanjiang Star	Trung Quốc	N04.04.010.448 2.279.0001	17.100	6.840.000	
18. CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ PHƯƠNG ĐÔNG													194.740.000	
1	2	PP23002 17560	Hóa chất nội kiểm HbA1c Control hoặc tương đương	Lyphocek Diabetes Control	2	Hộp	Hộp (6 lọ x 0.5 ml)	740	Bio-Rad Laboratories Inc.	Hoa Kỳ	Không	3.870.000	7.740.000	
2	3	PP23002 17561	Kít thu nhận tế bào gốc	Spectra Optia IDL Set (kèm 01 túi chống đông)	18	Bộ	Thùng 6 bộ	10310	TFB Manufacturing SRL	Costa Rica	N07.07.020.613 4.146.0001	5.500.000	99.000.000	
3	11	PP23002 17569	Que thử nước tiểu 11 thông số	CombiScreen 11SYS	20.000	Que	Hộp 150 que	93150	Analyticon Biotechnologies GmbH	Đức	Không	4.400	88.000.000	
19. CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ QUANG TRUNG													63.521.940	
1	16	PP23002 17574	Nước muối sinh lý 0,85% vô trùng	Nước muối sinh lý 0,85% vô trùng	420	Lọ	Hộp 10 lọ	MI005CM	Nam Khoa	Việt Nam	N00.00.000.119 6.000.0080	8.998	3.779.160	
2	25	PP23002 17583	Chai cấy máu	Chai cấy máu	400	Chai	Chai 50ml	MI006ER	Nam Khoa	Việt Nam	N00.00.000.119 6.000.0030	47.229	18.891.600	
3	26	PP23002 17584	Đĩa giấy dùng trong kỹ thuật kháng sinh đồ các loại	Đĩa giấy dùng trong kỹ thuật kháng sinh đồ các loại	15.000	Đĩa	Lọ 50 đĩa	MI...AB	Nam Khoa	Việt Nam	N00.00.000.119 6.000.0163	1.407	21.105.000	
4	30	PP23002 17588	Thạch chứa môi trường nuôi cấy - BHI broth	Thạch chứa môi trường nuôi cấy - BHI broth	660	Lọ	Hộp 10 lọ	MI004ER	Nam Khoa	Việt Nam	N00.00.000.119 6.000.0030	8.998	5.938.680	
5	61	PP23002 17619	Gel bôi trơn	Gel bôi trơn	250	Tube	Hộp 1 tube	Merufa tube	Merufa	Việt Nam	N00.00.000.096 3.000.0002	42.000	10.500.000	

STT	STT theo HSMT	Mã phần/lô	Danh mục hàng hóa theo HSMT	Tên thương mại/nhãn hiệu	Số lượng	ĐVT	Quy cách đóng gói	Ký mã hiệu	HSX	NSX	Mã 5086	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
6	87	PP23002 17645	Ông thông tiết trùng số 28	Ông thông tiết trùng số 28	500	Cái	Gói 1 cái	OT	Merufa	Việt Nam	N04.01.090.096 3.000.0001	6.615	3.307.500	
20. CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ THÁI SƠN													39.960.000	
1	41	PP23002 17599	Chỉ thị sinh học màu tím	Chỉ thị sinh học 3M Attest™ Biological Indicators 6,35cm x 1,27cm	120	Ông	30 ông/ hộp, 4 hộp/thùng	1295	3M Company	Mỹ	N00.00.000.000 5.175.0011	198.000	23.760.000	
2	44	PP23002 17602	Que thử hóa học màu đỏ Indicator Strip hoặc tương đương	Chỉ thị hóa học 2 thông số cho Plasma/ VH2O2 Type 4	9.000	Que	500 que/ hộp	CD40	Terragene S.A.	Argentina	N00.00.000.613 1.111.0015	1.800	16.200.000	
21. CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ THIẾT BỊ Y TẾ - KHOA HỌC KỸ THUẬT M.E.D.I.C													215.675.000	
1	14	PP23002 17572	Xylen 98%	Hóa chất Xylen	260	Lit	Chai 500ml		Đức Giang	Việt Nam	Không	180.000	46.800.000	
2	60	PP23002 17618	Formol	Formol	85	Chai	Chai 1000ml		Đức Giang	Việt Nam	Không	75.000	6.375.000	
3	68	PP23002 17626	Lam nhuộm hóa mô miễn dịch	Lam kính tĩnh điện	13.000	Cái	Hộp 50 cái	0312-7181-16	Citotest	Trung Quốc	N00.00.000.467 5.279.0009	12.500	162.500.000	
22. CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VIỆT HỒNG													21.032.000	
1	18	PP23002 17576	Eosin	EosineY solution 0,5%	10.000	ml	1L/Chai	1098441000	Merck	Đức	Không	1.672	16.720.000	
2	47	PP23002 17605	Giemsa	Giemsa's Azur solution	4	Chai	500ml/ chai	1092040500	Merck	Đức	Không	1.078.000	4.312.000	
23. CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ VINH KHANG													26.500.000	
1	95	PP23002 17653	Miếng bù da	Miếng bù da (Bolus)	10	Cái	01 cái/túi	BLS-3005	Klarity	Trung Quốc	N00.00.000.274 2.279.0002	2.650.000	26.500.000	
24. CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐOÀN GIA SÀI GÒN													19.818.000	
1	55	PP23002 17613	Test nhanh phát hiện kháng thể kháng H.Pylori	H. pylori Antibody Rapid Test Dipstick	600	Test	50 test/hộp	IHP-401	Acro Biotech Inc.	Hoa Kỳ	Không	16.020	9.612.000	
2	59	PP23002 17617	Test phát hiện phân biệt kháng thể IgG và IgM kháng các type virus Dengue 1,2,3 và 4	Dengue IgG/IgM Rapid Test Cassette	300	Test	10 test/hộp	IDEN-402	Acro Biotech Inc.	Hoa Kỳ	Không	34.020	10.206.000	

STT	STT theo HSMT	Mã phần/lô	Danh mục hàng hóa theo HSMT	Tên thương mại/nhãn hiệu	Số lượng	ĐVT	Quy cách đóng gói	Ký mã hiệu	HSX	NSX	Mã 5086	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
	25. CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XUẤT NHẬP KHẨU BNC												6.300.000	
1	94	PP23002 17652	Bộ điều kinh Katman gồm ống hút điều kinh hoặc tương đương	Bộ điều kinh Karman	100	Bộ	Bộ/túi	BĐK	Công Ty TNHH Nhựa Y Tế Sài Gòn	Việt Nam	N00.00.000.630 4.000.0002	63.000	6.300.000	
	26. CÔNG TY TNHH VẬT TƯ Y TẾ & THƯƠNG MẠI PHƯƠNG NGUYỄN												123.480.000	
1	1	PP23002 17559	Cống do cuvette dùng trong xét nghiệm đông máu chạy trên máy đông máu tự động đa bước sóng	Cuvette (SUC-400A) (3000 tube)	30.000	Cái	Hộp/ 3000/pack	6414810	Sysmex	Nhật Bản	Không	4.116	123.480.000	
	27. CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM LAN TIỀN												200.928.000	
1	84	PP23002 17642	Lưỡi dao cắt mô, bệnh phẩm	Lưỡi dao cắt tiêu bản	4.200	Cái	Hộp 50 cái	08-636-0	ERMA (KA1)	Nhật Bản	N05.03.070.478 4.232.0001	47.840	200.928.000	
	Tổng cộng: 27 nhà thầu												4.583.818.843	